

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2021
V/v tranh chấp yêu cầu không
công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên
2. Ông Võ Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2021/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T. Địa chỉ cư trú: số khu vực Yên B, phường Lê B, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Phước T1. Địa chỉ: đường Xuân T, phường An B, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/11/2020, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Trần Phước T1 quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 tại địa chỉ 318AB1 đường Xuân Thủy, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Thời gian chung sống với nhau lúc đầu rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì giữa bà và ông T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có sự bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi không cùng tiếng nói chung. Bà và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Phước T1.

Thời gian chung sống, giữa bà và ông T1 có 01 người con chung tên Trần Phước Gia H, sinh năm 2013 (Giới tính: nữ), do con chung còn nhỏ nên bà yêu cầu được trực T1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên bà đề nghị được Tòa án giải quyết cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

-Về nội dung giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn với ông Trần Phước T1. Nay hôn nhân giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay do đó bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Phước T1 là có căn cứ chấp nhận. Về con chung bà T yêu cầu được trực T1 nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phước Gia H, sinh năm 2013, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Do ông Trần Phước T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, để đảm bảo quyền được chăm sóc, giáo dục cho cháu Hân, đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Phước T1 chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Nay cuộc sống vợ chồng giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Phước T1. Do ông T1 hiện đang cư trú tại quận Ninh Kiều nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trần Phước T1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Phước T1 chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng là vi phạm quy định Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà Nguyễn Thị Thanh T cho rằng đời sống chung giữa bà và ông T1 không hạnh phúc, không thể T1 tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Phước T1. Căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo như bà T trình bày, thời gian chung sống giữa bà và ông Trần Phước T1 có 01 người con chung tên Trần Phước Gia H, sinh năm 2013 (Giới tính: nữ). Bà T yêu cầu được trực T1 nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung; nhưng do ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến về quan hệ hôn nhân cũng như con chung. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cháu H, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Trần Phước Gia H cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày thời gian chung sống giữa bà và ông T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt ông Trần Phước T1 nên Tòa án không

ghi nhận được ý kiến về vấn đề này. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, Điều 35, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Trần Phước T1.

- Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Trần Phước T1.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phước Gia H, sinh năm 2013 (giới tính: nữ) cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Phước T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần Phước T1, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày thời gian chung sống giữa bà và ông T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do giải quyết vắng mặt ông Trần Phước T1 nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 003423 ngày 16/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí phải nộp. Đương sự đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu VT;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

PHẠM THỊ BÉ HIỀN